| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**XÃ TÂN KỲ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/2026/NQ-HĐND | *Tân Kỳ, ngày 10 tháng 7 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Kỳ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Kỳ; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-BKTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tân Kỳ tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân xã Tân Kỳ ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Kỳ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí xây dựng

văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí**

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Kỳ và là mức chi để thanh toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3. Tổng mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã**

Tổng mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Loại văn bản | Văn bản mới, thay thế | Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên | Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản | Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã | 30 | 30 | 18 | 9 |
| 2 | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã | 20 | 20 | 12 | 6 |

**Điều 4. Nội dung chi và mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã**

**I. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã**

1. Mức chi được phân bổ cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Loại văn bản | Tổng mức chi (100%) | Mức chi | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình (60%) | Thẩm tra (30%) | Thông qua (10%) |
| Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành | 30 | 18 | 9 | 3 |
| Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên | 30 | 18 | 9 | 3 |
| Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết | 18 | 10,8 | 5,4 | 1,8 |

| Loại văn bản | Tổng mức chi (100%) | Mức chi | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình (60%) | Thẩm tra (30%) | Thông qua (10%) |
| Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết (không phân biệt việc bãi bỏ 01 Nghị quyết hay nhiều Nghị quyết) | 9 | 5,4 | 2,7 | 0,9 |

2. Nội dung chi được thực hiện đối với các hoạt động sau đây:

- Xây dựng, soạn thảo dự thảo văn bản;

- Thẩm định dự thảo văn bản;

- Thẩm tra dự thảo văn bản;

- Trình thông qua, ban hành văn bản;

- Các nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm khác phục vụ trực tiếp việc xây dựng, trình, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

**II. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã**

1. Mức chi được phân bổ cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Loại văn bản | Tổng mức chi (100%) | Mức chi | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Xây dựng, soạn thảo (70%) | Thẩm định (20%) | Trình, ban hành (10%) |
| Quyết định mới hoặc Quyết định thay thế Quyết định hiện hành | 20 | 14 | 4 | 2 |
| Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên | 20 | 14 | 4 | 2 |
| Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định | 12 | 8,4 | 2,4 | 1,2 |
| Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định (không phân biệt việc bãi bỏ 01 Quyết định hay nhiều Quyết định) | 6 | 4,2 | 1,2 | 0,6 |

2. Nội dung chi được thực hiện đối với các hoạt động sau đây:

- Xây dựng, soạn thảo dự thảo văn bản;

- Thẩm định dự thảo văn bản;

- Hoàn thiện, trình ban hành văn bản;

- Các nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm khác phục vụ trực tiếp việc xây dựng, trình, ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Nguồn kinh phí và phương thức thanh toán**

1. Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của ngân sách xã theo phân cấp ngân sách Nhà nước.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Căn cứ tổng mức chi, nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tân Kỳ, khoá XXV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./.

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND, UBND thành phố (để b/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã (để b/c);
- UBND thành phố;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã; Lãnh đạo UBND xã;
- TT UB MTTQ VN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Nhật Thu**